

Bản án số: 286/2022/DS-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Mai Tuyên.
2. Bà Trần Thị Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 977/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Phan Ánh A, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: 25/21 BK, phường BNG, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1974. (Có mặt)

Nơi cư trú: 60/14/10 LVB, phường TK, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 013169, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2020 tại Văn phòng công chứng G).

2/ *Bị đơn:* Ông Hà Văn C, sinh năm 1976. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tòa nhà E, 38/3 VT, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thanh D, sinh năm 1963. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 240 DC, Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn Đức B người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2019, Ông Hà Văn C có nhu cầu vay vốn nên đã vay của bà Phan Ánh A số tiền là 3.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019; lãi suất 2,5%/tháng; thời hạn vay là 04 tháng (từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2020). Ông C đã tự viết “Giấy vay tiền” và ký nhận đủ tiền vào cùng ngày, cam kết nếu hoàn trả không đúng thời hạn thì sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Đồng thời, tại “Giấy vay tiền” nêu trên, Ông Đỗ Thanh D đã tự viết cam kết với nội dung: “Tôi bảo lãnh cho anh Hà Văn Đam số tiền vay trên. Nếu anh Đam đến hạn chưa trả tôi chịu trách nhiệm trả thay”. Bà A xác định đây là quan hệ vay mượn giữa Bà A, Ông C và ông B nên chỉ yêu cầu Ông C và ông B có trách nhiệm thanh toán, đề nghị Tòa án không đưa vợ Ông C và vợ ông B vào tham gia tố tụng.

Đến ngày 30/4/2020, ông B thay mặt Ông C trả cho Bà A số tiền nợ gốc là 1.031.000.000 đồng, bằng hình thức cán trừ công nợ. Trong quá trình vay, Ông C có trả lãi (mỗi lần một ít) đến hết ngày 26/7/2020, với tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Tuy nhiên Bà A và Ông C đều không nhớ chính xác ngày trả nên thống nhất số tiền 520.000.000 đồng sẽ được cán trừ vào tiền lãi trong hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2020 (tương đương 122 ngày) là 200.547.945 đồng, với mức lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm (tương đương 0.054794521%/ngày). Số tiền Ông C đã trả còn dư là 319.452.055 đồng sẽ được cán trừ tiếp vào tiền lãi quá hạn.

Khi đến hạn thanh toán Bà A đã yêu cầu trả nợ nhưng Ông C vẫn không thực hiện theo cam kết trong hợp đồng vay tiền. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Hà Văn C trả cho bà một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.969.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo quy định tại Nghị Quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao như sau:

- Lãi quá hạn của số tiền 3.000.000.000 đồng được tính từ ngày 30/3/2020 đến ngày 29/4/2020 (31 ngày) là: 3.000.000.000 đồng x (20%/năm x 150%) (tương đương 0.082191781%/ngày) x 31 ngày = 76.438.356 đồng.

- Lãi quá hạn của số tiền 1.969.000.000 đồng được tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 29/4/2022 (730 ngày) là: 1.969.000.000 đồng x (20%/năm x 150%) (tương đương 0.082191781%/ngày) x 730 ngày = 1.200.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn là 76.438.356 đồng + 1.200.000.000 đồng = 1.276.438.356 đồng. Tuy nhiên, Ông C đã trả được 319.452.055 đồng nên tổng số tiền lãi quá hạn Ông C còn phải trả cho Bà A là: 1.257.838.356 đồng - 319.452.055 đồng = 938.386.301 đồng.

Trường hợp Ông C không trả hoặc trả không hết số nợ trên thì buộc Ông Đỗ Thanh D phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Bà A theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn Ông Hà Văn C trình bày:

Ông C xác nhận có giao dịch vay tiền với bà Phan Ánh A theo giấy vay tiền ngày 29/11/2019 với nội dung Ông Hà Văn C vay của bà Phan Ánh A số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất vay 2,5%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng (từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2020). Ông xác định chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền ngày 29/11/2019 là của ông, ông đã nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng. Số tiền vay này được Ông Đỗ Thanh D bảo lãnh tín chấp, cam kết trả thay nếu đến hạn ông chưa trả nợ được. Đến ngày 30/4/2020, ông B thay mặt ông trả cho Bà A số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, bằng hình thức cản trừ công nợ. Ông C xác nhận đây là khoản vay riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Bùi Thị Kim Chung.

Ông xác nhận trong quá trình vay nợ, ông có trả lãi (mỗi lần một ít) đến hết ngày 26/7/2020, với tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Tuy nhiên ông và Bà A đều không nhớ chính xác ngày trả nên thống nhất số tiền 520.000.000 đồng sẽ được cản trừ vào tiền lãi trong hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2020 (tương đương 122 ngày) là 200.547.945 đồng, với mức lãi suất được điều chỉnh lại theo

quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Số tiền ông đã trả còn dư là 319.452.055 đồng sẽ được căn trừ tiếp vào tiền lãi quá hạn.

Do dịch bệnh Covid 19, nên kinh doanh và đầu tư khó khăn, hiện nay ông chưa trả được tiền cho bà Phan Ánh A. Mục đích ông vay tiền để đầu tư chung với Ông Đỗ Thanh D vào tòa nhà G, Phường 12, quận PN, sau đó do khó khăn nên ông đã rút hết tiền vốn và không tiếp tục đầu tư cùng ông B. Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà A, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ với điều kiện cho trả dần hàng tháng. Ông mong muốn tòa xem xét, tạo điều kiện cho ông trả dần cho Bà A số tiền nợ gốc và lãi theo điều kiện cho phép.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ông Đỗ Thanh D trình bày:

Ông cùng với Ông Hà Văn C và bà Phan Ánh A có quen biết với nhau. Năm 2019, ông cùng Ông C hợp tác liên doanh xây dựng tòa nhà G, Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh theo tỉ lệ 50/50. Khi công trình đang thi công, ông có biết việc Ông C liên lạc với Bà A để vay mượn tiền. Do Bà A không yên tâm nên đã yêu cầu ông làm chứng và bảo lãnh tín chấp với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Vào ngày 29/11/2019, ông đã tự viết vào Giấy vay tiền giữa Ông C và Bà A với nội dung: “Tôi bảo lãnh cho anh Hà Văn Đam số tiền vay trên. Nếu anh Đam đến hạn chưa trả tôi chịu trách nhiệm trả thay”. Ông xác định chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền ngày 29/11/2019 là của ông. Ông chỉ ký và tín chấp với Bà A vì hai bên đều là bạn. Nếu như Ông Hà Văn C không trả được số tiền vay thì ông sẽ bán hoặc xử lý số cổ phần của Ông C để trả cho Bà A.

Ông chưa bao giờ thay Ông C trả cho Bà A 1.000.000.000 đồng do trong quá trình làm ăn chung với Bà A. Sau khi quyết toán, Bà A cầm giữ của ông 1.031.000.000 đồng và nói ký gửi cho con ở nước ngoài gấp nên dùng tạm sau này Ông C trả tiền thì Bà A trả lại ông. Sau khi Ông C và ông không còn làm ăn với nhau thì Ông C và ông chấp nhận căn trừ số tiền 1.031.000.000 đồng Bà A đã dùng của ông. Khẳng định một lần nữa ông chưa bao giờ thay mặt Ông C trả 1.000.000.000 đồng cho Bà A, việc này có Ông C làm chứng.

Tuy nhiên vì lý do dịch bệnh, Ông C không còn khả năng về tài chính để tiếp tục cùng ông hợp tác kinh doanh. Vì thế, ông và Ông C đã thanh lý hợp đồng, chấm dứt việc hợp tác. Đối với số nợ của Ông C và Bà A, ông đã nhiều lần trao

đôi cùng với Ông C và Bà A, thống nhất để Ông C trả dần vì Ông C không còn hợp tác kinh doanh với ông nữa. Đối với yêu cầu của Bà A về việc buộc ông với tư cách người bảo lãnh phải liên đới trả hết số nợ của Ông C trong trường hợp Ông C không trả hoặc trả không hết số nợ trên thì ông không đồng ý vì ông không còn liên quan đến khoản nợ giữa Ông C và Bà A, ông chỉ là người làm chứng sự việc vay mượn này thôi. Ông B cho rằng ông chỉ là người làm chứng và là người có nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp vay mượn tiền giữa Bà A và Ông C, việc này không liên quan đến vợ ông là bà Vũ Thị Việt D nên đề nghị Tòa án không đưa bà D vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Hà Văn C trả cho Bà A một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.969.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo quy định tại Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao như sau:

- Lãi quá hạn của số tiền 3.000.000.000 đồng được tính từ ngày 30/3/2020 đến ngày 29/4/2020 (31 ngày) là: $3.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 150\%)$ (tương đương $0.082191781\%/\text{ngày}$) $\times 31 \text{ ngày} = 76.438.356 \text{ đồng}$.

- Lãi quá hạn của số tiền 1.969.000.000 đồng được tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 29/4/2022 (730 ngày) là: $1.969.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 150\%)$ (tương đương $0.082191781\%/\text{ngày}$) $\times 730 \text{ ngày} = 1.200.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi quá hạn là $76.438.356 \text{ đồng} + 1.200.000.000 \text{ đồng} = 1.276.438.356 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, Ông C đã trả được 319.452.055 đồng nên tổng số tiền lãi quá hạn Ông C còn phải trả cho Bà A là: $1.276.438.356 \text{ đồng} - 319.452.055 \text{ đồng} = 956.986.301 \text{ đồng}$.

Trường hợp Ông C không trả hoặc trả không hết số nợ trên thì buộc Ông Đỗ Thanh D phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Bà A theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019.

Bị đơn Ông Hà Văn C trình bày: Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả nợ theo điều kiện cho phép.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản của cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn Ông Hà Văn C có nơi cư trú tại 38/3 VT, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Việc thu thập chứng cứ:

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải các đương sự khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019 là 1.969.000.000 đồng.

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 29/11/2019 có chữ ký và chữ viết xác nhận của Ông Hà Văn C về việc đã nhận đủ số tiền vay là 3.000.000.000 đồng.

Căn cứ bản tự khai ngày 19/4/2021 của Ông Hà Văn C thể hiện nội dung Ông C vay của bà Phan Ánh A số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất vay

2,5%/tháng, thời hạn vay là 4 tháng (từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2020). Ngày 05/7/2020, Ông C đã trả cho Bà A 1.031.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 1.969.000.000 đồng.

Xét, căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 29/11/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/4/2022 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Phan Ánh A có cho Ông Hà Văn C vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngày 30/4/2020, Ông C đã trả cho Bà A số tiền nợ gốc là 1.031.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 1.969.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng đã hết, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng; do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 1.969.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn tính đến ngày xét xử của Giấy vay tiền ngày 29/11/2019:

[2.2.1] Căn cứ Giấy vay tiền ngày 29/11/2019 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa xác nhận lãi suất hai bên thỏa thuận trong Giấy vay tiền là 2.5%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã tự nguyện đề nghị điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn vượt quá lãi suất giới hạn được quy định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc điều chỉnh lại mức lãi suất là 20%/năm của khoản tiền vay, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 29/11/2019 đến ngày 29/3/2021 (tương đương 122 ngày) là: 3.000.000.000 đồng x 20%/năm (tương đương 0.054794521%/ngày) x 122 ngày = 200.547.954 đồng. Trong quá trình vay, nguyên đơn thừa nhận là Ông C có trả lãi (mỗi lần một ít) đến hết ngày 26/7/2020, với tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Tuy nhiên Bà A và Ông C đều không nhớ

chính xác ngày trả nên thống nhất số tiền 520.000.000 đồng sẽ được căn trừ vào tiền lãi trên nợ gốc là 200.547.945 đồng, đối với số tiền Ông C đã trả còn dư là 319.452.055 đồng sẽ được căn trừ tiếp vào tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Như vậy, Ông C đã trả đủ tiền lãi trên nợ gốc.

[2.2.2] Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa xác nhận vào ngày 30/4/2020, Ông C đã trả cho Bà A số tiền nợ gốc là 1.031.000.000 đồng.

Xét, căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của Ông C được tính như sau:

- Lãi quá hạn của số tiền 3.000.000.000 đồng được tính từ ngày 30/3/2020 đến ngày 29/4/2020 (31 ngày) là: $3.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 150\%)$ (tương đương 0.082191781%/ngày) $\times 31 \text{ ngày} = 76.438.356 \text{ đồng}$.

- Lãi quá hạn của số tiền 1.969.000.000 đồng được tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 29/4/2022 (730 ngày) là: $1.969.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 150\%)$ (tương đương 0.082191781%/ngày) $\times 730 \text{ ngày} = 1.200.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi quá hạn là $76.438.356 \text{ đồng} + 1.200.000.000 \text{ đồng} = 1.276.438.356 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, Ông C đã trả được 319.452.055 đồng nên tổng số tiền lãi quá hạn Ông C còn phải trả cho Bà A là: $1.276.438.356 \text{ đồng} - 319.452.055 \text{ đồng} = 956.986.301 \text{ đồng}$.

Từ nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 76.438.356 đồng là tiền lãi quá hạn từ ngày 30/3/2020 đến ngày 29/4/2020 và số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền lãi quá hạn từ ngày 30/4/2020 đến ngày 29/4/2022 là có cơ sở chấp nhận. Tổng số tiền lãi quá hạn mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 956.986.301 đồng.

Xét, việc bị đơn yêu cầu được thanh toán làm nhiều lần cho đến khi hết nợ là không hợp lý, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Xét yêu cầu Ông Đỗ Thanh D phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Ông Hà Văn C không trả được tiền nợ gốc và lãi cho bà Phan Ánh A:

Tại Giấy vay tiền ngày 29/11/2019 thể hiện nội dung ông B bảo lãnh cho mọi nghĩa vụ thanh toán của Ông Hà Văn C với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Trong trường hợp Ông C không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bà A thì ông B sẽ thực hiện nghĩa vụ thay. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông B cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền ngày 29/11/2019 là của ông.

Căn cứ Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu ông B phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Bà A trong trường hợp Ông C không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cho Bà A theo Giấy vay tiền ngày 29/11/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.519.726 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Phan Ánh A.

Buộc Ông Hà Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Ánh A tổng số tiền là 2.925.986.301 (Hai tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 1.969.000.000 (Một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu đồng); số tiền lãi quá hạn là 956.986.301 (Chín trăm năm mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng) theo Giấy vay tiền ngày 29 tháng 11 năm 2019. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Thanh D phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho bà Phan Ánh A trong trường hợp Ông Hà Văn C không thanh toán đủ số tiền trên cho bà Phan Ánh A.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.519.726 đồng (Chín mươi triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Bà Phan Ánh A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 37.336.000 (Ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019535 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận PN;
- CC THADS quận Tân Bình;
- CC THADS quận PN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Hoàng Yến
(Đã ký và đóng dấu)